

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Loan

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 01/2018/HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Minh C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị H Bê La N, sinh năm 1995.

Nơi ĐKTT: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Q, tổ X, ấp Y, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Minh C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh C và chị H Bê La N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào ngày 20/10/2013. Nhưng đến năm 2015 anh C, chị H Bê La N mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72/2015 ngày 11/5/2015. Sau khi kết hôn anh C và chị H Bê La N về sinh sống tại ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Đến tháng 3/2016 anh C, chị H Bê La N chuyển đến sinh

sống và tạm trú tại ấp Y, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Anh C và chị H Bê La N sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh C bất đồng quan điểm về cách sống, không hòa hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Anh C và chị H Bê La N đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh C và chị H Bê La N không gặp nhau, không quan tâm hỏi han nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị H Bê La N.

- Về con chung: Anh C, chị H Bê La N có 01 con chung tên Lê Niê Minh Đ, sinh ngày 07/10/2014. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị H Bê La N nên anh C đồng ý giao cháu Đ cho chị H Bê La N chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay anh C đang làm công nhân xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh, công việc không ổn định, thu nhập hàng tháng chỉ khoảng 4.000.000 đồng, anh C còn phải chăm sóc bố mẹ ruột đã già yếu nên anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 8/12/2017, bị đơn chị H Bê La N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H Bê La N và anh Lê Minh C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2015 ngày 11/5/2015. Sau khi kết hôn chị và anh C về sinh sống tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Đến tháng 3 năm 2016, chị và anh C chuyển đến sinh sống và tạm trú tại ấp Y, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai làm công nhân. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh C đã bỏ ra ngoài sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh C không gặp nhau, không hỏi han quan tâm nhau. Nay chị H Bê La N nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết ly hôn thì chị H Bê La N cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Lê Niê Minh Đ, sinh ngày 07/10/2014. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị nên chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ sau khi ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng cho tới khi con đủ 18 tuổi. Nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH N thuộc xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, thu nhập trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với chị H Bê La N, sinh năm 1995; Nơi ĐKTT: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Q, tổ X, ấp Y, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn chị H Bê La N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh C và chị H Bê La N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72/2015 ngày 11/5/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh C là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng anh C, chị H Bê La N đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh C bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng anh C đã sống ly thân từ giữa tháng 6 năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để anh C và chị H Bê La N đoàn tụ nhưng chị H Bê La N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị H Bê La N được. Đồng thời chị H Bê La N có lời khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với anh C do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị H Bê La N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị H Bê La N có 01 con chung tên Lê Niê Minh Đ, sinh ngày 07/10/2014, cháu Đ đang ở với chị H Bê La N. Chị H Bê La N có lời khai trình bày yêu cầu được nuôi cháu Đ sau khi ly hôn, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay anh C đồng ý giao cháu Đ cho chị H Bê La N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của anh C và nguyện vọng của chị H Bê La N được nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Đ hiện nay đang ở với chị H Bê La N, khi vợ chồng anh C sống ly thân, chị H Bê La N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Đ. Chị H Bê La N làm công nhân, có thu nhập ổn định. Do vậy, cần giao cháu Đ cho H Bê La N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đặt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

+ Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của anh Lê Minh C, cho anh C được ly hôn với chị H Bê La N.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lê Niê Minh Đ sinh ngày 07/10/2014 cho chị H Bê La N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đúng quy định pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Minh C và chị H Bê La N.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Niê Minh Đ, sinh ngày 07/10/2014 cho chị H Bê La N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Minh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền anh C phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Cảnh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018594 ngày 19/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau. Anh C còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lâm